TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC NAM** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:09/2019/DS-ST
Ngày: 27 - 6 - 2019.
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Bảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Thái
2. Bà Nguyễn Thị Hoan

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Công Định – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên toà: Ông Thân Mạnh Thắng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2011/TLST- HĐVTS ngày 28 tháng 7 năm 2011 về tranh chấp về hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐXX-ST ngày 15 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Bà Trần Thị X, sinh năm 1958 (có mặt)

Địa: Khu V, TT L, huyện L, tỉnh Bắc Giang

2.Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Lan H, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang

3.Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1967 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, lời khai tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn, bà Trần Thị X trình bày: Bà và vợ chồng bà H, ông C có quan hệ quen biết, nên bà H có nhiều lần đến gặp bà để vay tiền và bà đã nhiều lần cho bà H vay tiền. Sau đó bà H đều thanh toán trả cho bà cả tiền gốc và tiền lãi theo thỏa thuận giữa các bên.

Đến ngày 14/8/2010 bà cho bà H vay số tiền 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng), khi vay hai bên có viết giấy tờ vay nợ và thỏa thuận thời hạn vay là 10 ngày, lãi suất thỏa thuận miệng là 1000/1.000.000 đồng/ngày (tức là 110.000 đồng tiền lãi trong 10 ngày). Đến hẹn bà H chỉ trả đủ số tiền lãi là 110.000 đồng cho bà còn tiền gốc bà H xin nợ lại.

Ngày 29/8/2010, bà H lại đến gặp bà để vay số tiền là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng), khi vay hai bên có viết giấy tờ vay nợ và thỏa thuận thời hạn vay là 10 ngày, lãi suất thỏa thuận miệng là 1000 đồng/1.000.000 đồng/ngày (tức là 3.000.000 đồng tiền lãi trong 10 ngày). Đến hẹn nêu trên bà H không trả được số tiền đã vay và tiền lãi cho bà . Ngày 10/9/2010, bà H có mang 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Hữu Đỉnh, kèm theo chứng minh thư nhân dân, sổ hộ khẩu gia đình đều mang tên ông Nguyễn Hữu Đỉnh để làm tin, cùng ngày bà H viết và ký giấy biên nhận thế chấp tài sản với bà.

Tổng hai lần bà H vay tiền của bà là 311.000.000 đồng (Ba trăm mười một triệu đồng). Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, ngày 05/7/2011, bà H thanh toán trả cho bà 100.000.000 đồng, số tiền bà H còn nợ lại là 211.000.000 đồng (Hai trăm mười một triệu đồng). Từ đó đến nay bà H chưa thanh toán trả cho bà khoản tiền nào khác. Bà xác định khoản tiền bà cho bà H vay không liên quan gì tới chồng bà ông Trần Văn Ngạn và ông Nguyễn Văn C là chồng bà H.

Nay bà yêu cầu bà Nguyễn Thị Lan H phải thanh toán trả bà số tiền còn nợ là 211.000.000 đồng tiền gốc, không yêu cầu bà H phải trả tiền lãi và không yêu cầu tiền lãi chậm thi hành án.

Tại biên bản lấy lời khai và lời khai tiếp theo, bị đơn là bà Nguyễn Thị Lan H xác nhận việc bà có vay số tiền như bà X khởi kiện và trình bày về số tiền vay và thời gian vay, lãi suất, thời gian trả và số tiền đã trả là đúng. Nay bà X khởi kiện yêu cầu bà phải trả số tiền gốc đã vay là 211.000.000 đồng (Hai trăm mười một triệu đồng) bà đồng ý. Do kinh tế gia đình rất khó khăn nên bà đề nghị được trả dần bà X số tiền trên. Bà xác định khoản tiền bà vay của bà X không liên quan gì tới ông Nguyễn Văn C là chồng của bà.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Lan H vắng mặt.

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn C trình bày: Ông và bà H là vợ chồng. Việc bà H vay tiền của bà X như thế nào ông không được biết và không được dùng số tiền do bà H vay. Nay bà X khởi kiện bà H phải trả số tiền đã vay, quan điểm của ông là khoản vay giữa bà H và bà X là khoản vay cá nhân của bà H nên ông không liên quan và không có trách nhiệm trả nợ cho bà X cùng bà H. Ông đề nghị được vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các phiên tòa xét xử tại Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng theo quy định của Điều 70,71,73 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng theo quy định của Điều 70,72 Bộ luật tố tụng dân sự. .

Căn cứ vào Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 147, 227, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa

án. Đề nghị Hội đồng xét xử, xử:

Buộc bà Nguyễn Thị Lan H có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị X số tiền 211.000.000 đồng (Hai trăm mười một triệu đồng).

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Lan H phải chịu 10.550.000 đồng (Mười triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả bà Trần Thị X số tiền 4.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà X đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2012/0007903 ngày 28/7/2011 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị Lan H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn C đều được triệu tập hợp lệ phiên tòa lần hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung tranh chấp: Ngày 14/08/2010 và ngày 29/8/2010 bà Nguyễn Thị Lan H có vay của bà Trần Thị X tổng số tiền là 311.000.000 đồng (Ba trăm mười một triệu đồng). Khi vay tiền các bên có viết giấy vay tiền và thỏa thuận lãi suất là 1.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, thời hạn vay là 10 ngày kể từ ngày vay. Tính đến 05/7/2011 bà Nguyễn Thị Lan H đã trả cho bà X được 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) tiền gốc và 110.000 đồng tiền lãi. Ngoài ra, bà H chưa trả cho bà X khoản tiền gốc nào. Đến hạn trả nợ, bà X đòi nhiều lần nhưng bà H không trả. Nay bà X yêu cầu bà H phải trả bà số tiền gốc đã vay là 211.000.000 đồng tiền gốc là có căn cứ nên cần được chấp nhận. Bà H đồng ý trả tiền gốc theo yêu cầu của bà X, nhưng đề nghị được trả dần. Đề nghị của bà H không có căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử không chấp nhận. Căn cứ Điều 471, 474 Bộ luật dân sự 2005 cần buộc bà Nguyễn Thị Lan H phải trả bà X số tiền gốc đã vay là 211.000.000 đồng (Hai trăm mười một triệu đồng). Bà X không yêu cầu bà H phải trả lãi chậm trả và không yêu cầu lãi chậm trả khi thi hành án nên bà H không phải chịu tiền lãi chậm trả và lãi chậm trả khi thi hành án.

[3] Ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Lan H là quan hệ vợ chồng. Việc bà H vay tiền của bà X ông C không được biết và khoản tiền vay này bà H không sử dụng vào mục đích chung của gia đình, bà X chỉ yêu cầu buộc bà H phải trả khoản tiền vay. Nên xác định khoản vay giữa bà H và bà X là khoản vay cá nhân của bà H không liên quan gì tới ông C. Do đó, ông Nguyễn Văn C không phải liên đới chịu trách nhiệm trả khoản nợ này.

Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Hữu Đĩnh và chứng minh thư nhân dân và sổ hộ khẩu (đều mang tên ông Nguyễn Hữu Đĩnh) mà bà H giao cho bà X để làm tin và nay không có đương sự nào đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí và quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Lan H phải chịu 10.550.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Các đương sự được kháng cáo theo luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 147, 227, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Buộc bà Nguyễn Thị Lan H có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị X số tiền 211.000.000đồng (Hai trăm mười một triệu đồng). Bà H không phải trả lãi chậm trả và lãi chậm trả khi thi hành án.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Lan H phải chịu 10.550.000 đồng (Mười triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả bà Trần Thị X số tiền 4.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà X đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2012/0007903 ngày 28/7/2011 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng có trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BG;
- VKSND huyện LN;
- Các đương sự;
- THA huyện L.
- Lưu vp, hồ sơ./.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Đặng Văn Bảo